

Working Paper 2025.1.1.4
- Vol 1, No 1

NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH TỚI GIẢM ĐÓI NGHÈO TẠI KHU VỰC CÁC TỈNH BẮC BỘ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018 – 2022

Phạm Ngọc Sơn¹, Nguyễn Mạnh Dũng, Vũ Mai Lan, Nguyễn Khánh Linh, Hứa Vũ Trà My, Đặng Hoàng Nam, Lê Huyền Trang

Sinh viên K61 Kinh tế quốc tế - Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Hải Yến

Giảng viên khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của 25 tỉnh thành Bắc Bộ để đánh giá vai trò của phát triển tài chính đến xóa đói giảm nghèo của 25 tỉnh Bắc Bộ giai đoạn 2018 - 2022. Bài viết áp dụng mô hình hồi quy Pooled OLS, hiệu ứng cố định (FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Để lựa chọn mô hình phù hợp, nhóm tác giả đã tiến hành kiểm định Lagrange và Hausman. Kết quả cho thấy phát triển tài chính có tác động tích cực trong việc giảm tỷ lệ đói nghèo nhờ cải thiện khả năng tiếp cận vốn và dịch vụ tài chính.

Từ khóa: 25 tỉnh Bắc Bộ, phát triển tài chính, giảm nghèo.

THE ROLE OF FINANCIAL DEVELOPMENT IN POVERTY REDUCTION IN NORTHERN PROVINCES DURING THE PERIOD 2018 - 2022

Abstract

This study uses data from 25 northern provinces in Vietnam to assess the role of financial development in poverty reduction from 2018 to 2022. The paper applies the Pooled OLS regression model, the fixed effects model (FEM), and the random effects model (REM). To select the appropriate model, the authors conducted Lagrange multiplier and Hausman tests.

¹ Tác giả liên hệ, Email: k61.2214410162@ftu.edu.vn

Results show that financial development positively impacts poverty reduction by improving access to capital and financial services. Additionally, higher per capita income and population density help reduce poverty rates, while income inequality tends to increase poverty. Based on research results, the study provides some implications for policy makers to improve poverty in the Northern provinces of Vietnam.

Keywords: 25 northern provinces, financial development, poverty reduction.

1. Giới thiệu

Phát triển tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống tại các khu vực nông thôn, nơi người dân thường gặp nhiều thách thức trong việc tiếp cận các nguồn lực cần thiết để phát triển sản xuất và thoát khỏi nghèo đói. Trong bối cảnh này, tài chính không chỉ là công cụ hỗ trợ nguồn vốn mà còn là đòn bẩy giúp các hộ gia đình nghèo tiếp cận được các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, và cơ hội việc làm. Nhờ vào các dịch vụ tài chính như tín dụng nông thôn, bảo hiểm nông nghiệp và các chương trình tài chính vi mô, các hộ gia đình có thể cải thiện năng suất, ứng phó hiệu quả hơn với rủi ro và tối ưu hóa thu nhập.

Nghiên cứu này tập trung vào phân tích vai trò của phát triển tài chính trong việc giảm nghèo tại 25 tỉnh miền Bắc Việt Nam, bao gồm các địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, và các tỉnh miền núi Tây Bắc như Lai Châu, Điện Biên. Với những khác biệt về điều kiện tự nhiên và kinh tế, khu vực này cho thấy nhu cầu phát triển tài chính là cần thiết để thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững. Bằng cách nghiên cứu các khía cạnh của phát triển tài chính và đánh giá mức độ ảnh hưởng đến thu nhập, nghiên cứu sẽ làm rõ cách thức mà hệ thống tài chính có thể hỗ trợ người dân cải thiện đời sống và góp phần vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

2. Tổng quan nghiên cứu

Jalilian và Kirkpatrick (2005) đã xem xét tác động của phát triển tài chính đối với giảm nghèo ở 42 quốc gia, bao gồm 26 quốc gia đang phát triển và 16 quốc gia phát triển trong khoảng thời gian 1960–1995 đã chỉ ra phát triển tài chính giảm nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế. Beck và cộng sự (2007) thông qua sử dụng mô hình GMM để đánh giá tác động của phát triển tài chính đến những thay đổi trong phân phối thu nhập, nghèo đói tương đối và tuyệt đối, kết luận rằng phát triển tài chính giảm chênh lệch thu nhập và nghèo đói nhờ tăng thu nhập cho người nghèo, từ đó làm tăng năng suất lao động và tích lũy. Các nghiên cứu của Odhiambo (2010), Jeanneney & Kpodar (2011), Inoue & Hamori (2012), và Phạm & cộng sự (2018) cũng ghi nhận tác động tích cực này. Khi nghiên cứu về nhóm 4 yếu tố của phát triển tài chính bao gồm độ sâu tài chính, độ rộng cung tiền, sự ổn định hệ thống tài chính và hiệu quả hệ thống tài chính tới việc giảm nghèo, Rewilak (2017) đã phát hiện rằng độ sâu tài chính có tác động mạnh mẽ nhất tới giảm nghèo và sự suy yếu của ngành tài chính có thể làm suy giảm khả năng mở rộng tín dụng cho các cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ phát triển, từ đó ngăn chặn một kênh giảm nghèo. Trong khi đó, Haan (2021) tìm thấy mối quan hệ gián tiếp giữa phát triển tài chính và giảm đói nghèo thông qua bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế, cụ thể, phát triển tài chính dẫn tới nguy cơ tăng bất bình đẳng thu nhập từ đó làm cho đói nghèo thêm trầm trọng hơn. Trái lại, nghiên cứu của Donou-Adonsou và Sylwester (2015) nhận thấy các khoản vay từ

các tổ chức tài chính vi mô (MFIs) thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống tại các quốc gia đang phát triển. Ngoài ra, khi nghiên cứu về phát triển tài chính, tiết kiệm và giảm nghèo ở Ghana, Quartey (2005) nhận thấy tác động này tích cực nhưng không đáng kể. Điều này là do các trung gian tài chính ở Ghana chưa chuyển hướng tiết kiệm một cách đầy đủ đến các khu vực có lợi cho người nghèo của nền kinh tế do thâm hụt tài chính của chính phủ, tỷ lệ vỡ nợ cao, thiếu tài sản thế chấp và thiếu các đề xuất kinh doanh phù hợp. Tóm lại, không có bằng chứng hay lý thuyết nào về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và giảm nghèo là nhất quán, tác động như thế nào và cường độ của tác động này phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng đối tượng nghiên cứu.

Bên cạnh phát triển tài chính, các nghiên cứu trước đây cũng xem xét đến tác động của các yếu tố khác như bất bình đẳng thu nhập, mật độ dân số hay thu nhập bình quân đầu người tới giảm đói nghèo.

Thu hẹp bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người đều đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo. Bất bình đẳng thu nhập cao làm giảm hiệu quả giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế, do lợi ích không được phân phối đồng đều, hạn chế cơ hội của các nhóm nghèo (Ahluwalia, 1976; Ravallion & Chen, 2019; Fosu, 2017). Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu khẳng định thu nhập bình quân đầu người có mối quan hệ ngược chiều với tỷ lệ nghèo như Tombolo Tutu và cộng sự (2018), Janjua & Kamal (2011), khẳng định tăng trưởng thu nhập bền vững được coi là yếu tố then chốt để vượt qua bẫy nghèo và đạt mục tiêu giảm nghèo lâu dài. Xét về mối quan hệ giữa mật độ dân số và đói nghèo, các nghiên cứu chỉ ra rằng mật độ dân số cao có ảnh hưởng đa chiều đến đói nghèo, tùy thuộc vào bối cảnh. Boserup (1965) và Avner và Lall (2016) cho rằng mật độ cao thúc đẩy đổi mới nông nghiệp và giảm nghèo. Ngược lại, Jayne (2012) chỉ ra mật độ cao ở nông thôn châu Phi tăng áp lực tài nguyên đất, làm nghèo đói gia tăng.

Tóm lại, các nghiên cứu trước đã khẳng định vai trò của phát triển tài chính trong giảm nghèo, đặc biệt là tài chính toàn diện và cải thiện tiếp cận dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu ở phạm vi quốc gia, ít nghiên cứu tập trung vào khu vực, bối cảnh cụ thể như Bắc Bộ Việt Nam, nơi tỷ lệ nghèo cao, kinh tế nông nghiệp chiếm ưu thế, và tiếp cận tài chính hạn chế.

Do đó, nghiên cứu của chúng tôi nhằm làm rõ vai trò của phát triển tài chính tại các tỉnh Bắc Bộ, đi sâu vào bối cảnh tài chính cũng như đặc điểm của khu vực, đồng thời đề xuất chính sách thúc đẩy giảm nghèo bền vững phù hợp với đặc thù khu vực.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1 Một số khái niệm

3.1.1 Phát triển tài chính (FD)

Có nhiều định nghĩa khác nhau về phát triển tài chính, từ đó hình thành các cách tiếp cận khác nhau khi đánh giá về sự phát triển của hệ thống tài chính.

Phát triển tài chính được định nghĩa trong nghiên cứu của Krinichansky & Annenskaya (2022) là những thay đổi giúp giảm chi phí rõ ràng và ngầm liên quan đến hoạt động của hệ

thống tài chính và việc cung cấp các chức năng của hệ thống. Trên thực tế, nó được đặc trưng bởi nhiều cấu hình và kịch bản khác nhau tùy thuộc vào địa điểm và thời gian.

Sự phát triển của hệ thống tài chính có thể được định nghĩa là sự phát triển về quy mô, hiệu quả và tính ổn định của thị trường tài chính cùng với việc tăng cường tiếp cận thị trường tài chính có thể mang lại nhiều lợi thế cho nền kinh tế. (Guru & cộng sự, 2019)

Chỉ số phát triển tài chính (FD) phản ánh mức độ mở rộng và chất lượng của hệ thống tài chính, dựa trên ba tiêu chí chính: quy mô, hiệu quả và khả năng tiếp cận (Greenwood & Jovanovic, 1990; Bencivenga & Smith, 1991). Hai yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến FD là thị trường tài chính và các định chế tài chính. Chỉ số này, do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố hàng năm, đánh giá sự sâu rộng, hiệu quả, và khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, phản ánh sự phát triển toàn diện của hệ thống. Beck và cộng sự (2007) nhấn mạnh rằng hệ thống tài chính phát triển giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả, giảm chi phí giao dịch, kiểm soát rủi ro, đồng thời thúc đẩy đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

Một số chỉ số thường dùng để đánh giá mức độ phát triển tài chính bao gồm:

Tỷ lệ dư nợ tín dụng tư nhân/GDP: Chỉ số này đo lường quy mô tín dụng tư nhân trong nền kinh tế so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Nó thể hiện mức độ tín dụng mà hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính cung cấp cho khu vực tư nhân trong nền kinh tế.

Công thức:

$$\text{Tín dụng dành cho khu vực tư nhân (\% GDP)} = \frac{\text{Tổng tín dụng dành cho khu vực tư nhân}}{\text{Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)}} \times 100$$

Tỷ lệ cung tiền rộng so với GDP: Chỉ số này đo lường mức độ tiền tệ hóa và khả năng tiếp cận tài chính của nền kinh tế. Tỷ lệ cao cho thấy nguồn vốn dồi dào đáp ứng nhu cầu của cả khu vực công và tư nhân. Levine (1997) khẳng định cung tiền rộng có liên hệ tích cực với tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Tỷ lệ hình thành vốn cố định gộp so với GDP: Đây là chỉ số đo lường mức độ đầu tư vào tài sản cố định, như nhà xưởng, máy móc và cơ sở hạ tầng. Đầu tư vào tài sản cố định góp phần quan trọng vào năng suất và nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế, từ đó tạo tiền đề cho tăng trưởng tài chính và kinh tế (King và Levine, 1993).

Đối với phạm vi nghiên cứu của đề tài, nhóm nghiên cứu lựa chọn độ sâu tài chính (Tín dụng khu vực tư nhân/GDP) tính làm thước đo đánh giá phát triển tài chính và đây cũng là chỉ số phổ biến nhất dựa trên rất nhiều nghiên cứu trước đó như Moreno (2011) hay Rewilak (2017).

3.1.2 Lý thuyết về nghèo đói

Định nghĩa và cách đo lường nghèo đói luôn là vấn đề gây tranh cãi trong các nghiên cứu, nhưng vẫn chưa có sự thống nhất.

Theo ATD Fourth World (2019), nghèo đói không chỉ là thiếu tiền; nó ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của cuộc sống, từ sức khỏe tinh thần và thể chất đến các mối quan hệ gia đình và xã hội. Trong khi đó, World Bank (2000) định nghĩa nghèo đói là "thiếu thốn phúc lợi rõ rệt," liên quan đến việc không tiếp cận được các nhu cầu cơ bản. Cách tiếp cận này sử dụng các chỉ số

đo lường, như mức sống dưới 1,90 USD/ngày (chuẩn nghèo quốc tế), để chuẩn hóa dữ liệu về nghèo đói và so sánh quốc tế.

Nghèo đa chiều là khái niệm dùng để đo lường tình trạng nghèo khổ không chỉ dựa vào thu nhập mà còn xét đến những khía cạnh khác của cuộc sống con người như sức khỏe, giáo dục và mức sống. Nghèo đa chiều thường được tiếp cận dựa trên Chỉ số nghèo đa chiều (MPI - Multidimensional Poverty Index), được phát triển bởi Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Sáng kiến Phát triển Con người Oxford (OPHI). Tỷ lệ nghèo đa chiều phản ánh tỷ lệ phần trăm dân số sống trong hoàn cảnh nghèo đa chiều.

Trong phạm vi đề tài này, nhóm tác giả sử dụng Tỷ lệ nghèo đa chiều (Pr) để đo lường nghèo vì đây là tiêu chí được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu trước đây và có nhiều dữ liệu liên quan tạo thuận lợi cho việc đưa ra kết quả đo lường.

Tỷ lệ nghèo (Pr) được xác định theo công thức:

$$PR = \frac{\text{Số người dưới ngưỡng nghèo}}{\text{Tổng dân số}} \times 100$$

3.2 Vai trò của phát triển tài chính trong giảm nghèo đói

Phát triển tài chính có vai trò rất quan trọng trong công cuộc giảm nghèo đói, khi nó tạo ra các cơ hội mới cho người nghèo thông qua nhiều kênh khác nhau. Đầu tiên, khi hệ thống tài chính mở rộng và cải thiện, các rào cản trong việc tiếp cận dịch vụ tài chính sẽ giảm, giúp người nghèo dễ dàng tiếp cận vốn hơn. Điều này không chỉ giúp họ có khả năng khởi nghiệp hoặc đầu tư vào các hoạt động kinh tế mà còn giúp họ đối phó với các rủi ro tài chính trong cuộc sống.

3.2.1 Lý thuyết hiệu ứng ống dẫn (Conduit effect theory)

McKinnon (1973) cho rằng do thiếu các thị trường tài chính sâu rộng hoặc trung gian tài chính, các cá nhân bị hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng và dịch vụ tài chính. Vì vậy, tiết kiệm trở thành một "ống dẫn" cho các khoản đầu tư trong tương lai, giúp mọi người có thể tài trợ cho các dự án lớn hơn hoặc mua sắm hàng hóa vốn. Lý thuyết này lập luận rằng hệ thống tài chính cần phải được giải phóng khỏi các rào cản như trần lãi suất và yêu cầu dự trữ cao, để tăng dòng vốn đến các nhóm nghèo và tạo cơ hội tiếp cận tài chính.

3.2.2 Lý thuyết lợi ích kinh tế nhỏ giọt (Trickle-Down theory)

Nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ trong các nghiên cứu trước đó như Ravallion và Datt (2002), Dollar và Kraay (2002), lý thuyết lợi ích kinh tế nhỏ giọt cho rằng một hệ thống tài chính hoạt động hiệu quả sẽ thúc đẩy giảm nghèo thông qua việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở ra cơ hội cho người nghèo tăng thu nhập. Cụ thể, thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ hội việc làm cho người nghèo sẽ được tạo ra nhiều hơn từ đó nâng cao mức thu nhập và cải thiện mức sống, thoát khỏi tình trạng nghèo đói.

3.3 Lý thuyết vòng luẩn quẩn đói nghèo

Nurkse (1953) cho rằng nghèo đói không chỉ là một tình trạng tạm thời mà còn là một vòng lặp tự duy trì, trong đó các yếu tố nghèo đói liên tục tương tác và củng cố lẫn nhau, khiến việc thoát nghèo trở nên cực kỳ khó khăn. Nguyên nhân của vòng luẩn quẩn đói nghèo đến từ

sức khỏe kém, thiếu kỹ năng, thiếu tự tin hoặc cơ chế hỗ trợ, xa cách với thị trường và các tổ chức, thiếu tài sản vật chất hoặc khả năng vay vốn, hoặc sự kết hợp của các yếu tố trên.

Mức thu nhập bình quân đầu người thấp là rào cản chính trong việc phá vỡ vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Một cách cơ bản, luận điểm này chỉ ra rằng nguyên nhân chính của đói nghèo ở các quốc gia đang phát triển bắt nguồn từ thu nhập bình quân đầu người thấp, kéo theo sự thiếu hụt về nhu cầu và tiêu dùng. Tiêu dùng không đủ lại tiếp tục làm giảm khả năng tích lũy vốn, dẫn tới hệ lụy thúc đẩy đói nghèo lan rộng.



Hình 01: Vòng luẩn quẩn đói nghèo

Nguồn: Alwan (2016)

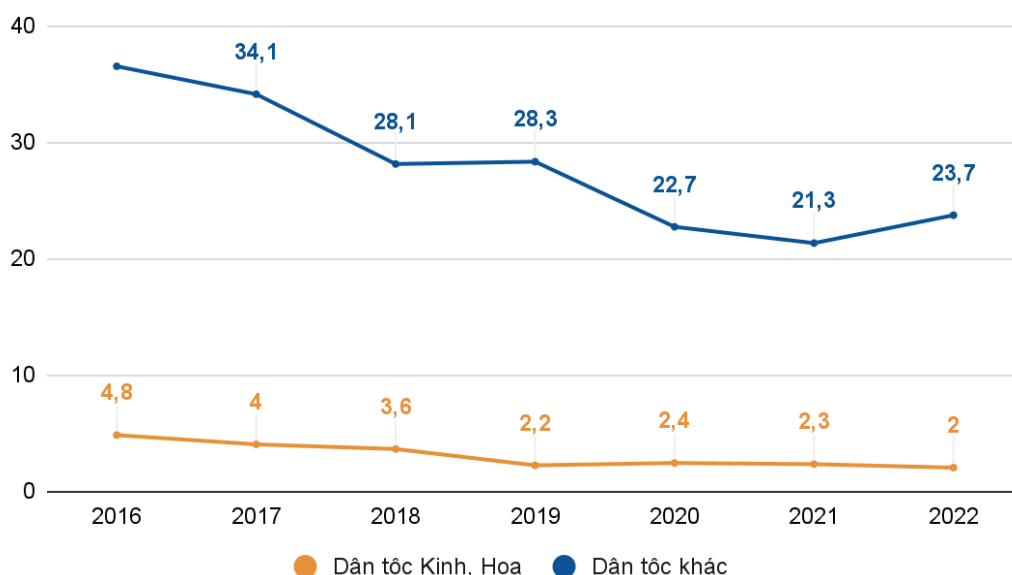
Khi áp dụng lý thuyết này vào nghiên cứu về tác động của phát triển tài chính đến đói nghèo, ta có thể nhận thấy rằng việc mở rộng khả năng tiếp cận tài chính có thể phá vỡ vòng luẩn quẩn này. Cụ thể, phát triển tài chính tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ tài chính như tín dụng, tiết kiệm, và bảo hiểm, giúp họ cải thiện thu nhập, đồng thời nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, từ đó giảm nguy cơ tái nghèo. Khi thoát khỏi mức thu nhập bình quân đầu người thấp, người dân có thể tăng tiết kiệm và đầu tư vào y tế, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng con người, từ đó cải thiện năng suất lao động.

4. Thực trạng tình hình đói nghèo tại các tỉnh Bắc Bộ

Trong giai đoạn 2018 - 2022, các tỉnh khu vực Bắc Bộ, đặc biệt là những tỉnh miền núi như Sơn La, Hà Giang, ... phải đối mặt với nhiều thách thức trong xóa đói giảm nghèo do hạn chế về cơ sở hạ tầng, điều kiện địa lý và kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước đã huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo. Trong thập kỷ qua, tỷ lệ nghèo đa chiều đã giảm từ 9,8% trong năm 2016 xuống còn 5% vào năm 2020.

Việc thực hiện xóa đói giảm nghèo tại các vùng dân tộc thiểu số cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Theo báo cáo giảm nghèo quốc gia, tỷ lệ nghèo của nhóm dân tộc thiểu số giảm từ 84% năm 1993 xuống còn 23,7% năm 2022, rút ngắn khoảng cách tỷ lệ nghèo với nhóm dân tộc Kinh, Hoa.

Tỷ lệ nghèo đa chiều theo nhóm dân tộc giai đoạn 2016 - 2022



Hình 02: Tỷ lệ nghèo đa chiều theo nhóm dân tộc giai đoạn 2016 - 2022

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022

Công tác phát triển tài chính nhằm xóa đói giảm nghèo cũng được chú trọng. Giai đoạn 2018 - 2022 được đánh giá là thời kỳ chuyển mình mạnh mẽ của thị trường tài chính với xu hướng số hóa, đổi mới tài chính. Quy mô hệ thống tài chính tăng trưởng nhanh, giá trị vốn hóa thị trường tài chính đã tăng gần 4 lần trong giai đoạn 2011 - 2021. Các tỉnh Bắc Bộ Việt Nam, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cũng đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển tài chính. Trong giai đoạn 2011 - 2022, GRDP của Hà Nội tăng gấp 1,12 lần so với mức tăng chung của cả nước, đồng thời sự kết nối tài chính giữa Hà Nội và các tỉnh lân cận như Hải Phòng, Bắc Ninh, ... đã tạo ra không gian hợp tác, góp phần thúc đẩy sự phát triển đồng đều và bền vững trong khu vực, khẳng định vai trò ngày càng lớn mạnh của hệ thống tài chính tại Bắc Bộ, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống người dân.

5. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

5.1 Dữ liệu

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ 25 tỉnh thành Bắc bộ trong tổng số 63 tỉnh tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022, được thu thập từ Tổng cục Thống kê (GSO) và Niên giám thống kê các tỉnh tại Bắc Bộ từ năm 2018 đến năm 2022. Cụ thể, biến FD được thu thập từ Niên giám thống kê từ các tỉnh Bắc Bộ. Dữ liệu về các biến phụ thuộc PR, các biến kiểm soát

GDPCA, POPDEN, GINI được thu thập từ Tổng cục Thống kê. Dữ liệu được thực hiện xử lý thông qua phần mềm STATA 17, dữ liệu có tổng cộng 125 quan sát từ 25 tỉnh Bắc Bộ.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các mô hình POLS, FEM, REM để ước lượng tác động của phát triển tài chính đến giảm đói nghèo tại Bắc Bộ (2018 - 2022), sau đó thực hiện các kiểm định Lagrange và kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp. Thực hiện các kiểm định và phát hiện mô hình có khuyết tật về tự tương quan và phương sai sai số thay đổi, do đó tác giả đã sử dụng mô hình FGLS để khắc phục các khuyết tật. Tất cả các biến trong mô hình đều được lấy logarit tự nhiên để giảm thiểu tác động của các giá trị ngoại lai và để xét sự ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc được chính xác hơn.

Kế thừa các học thuyết đi trước về ảnh hưởng của sự phát triển tài chính đến giảm đói nghèo (S.T. Bolarinwa và cộng sự, 2021; S.G. Jeanneney và K. Kpodar, 2008; J. De Haan và cộng sự, 2021), nghiên cứu thực hiện phân tích mối quan hệ giữa phát triển tài chính và giảm nghèo dựa trên mô hình được xây dựng và phát triển như sau:

$$\ln PR_{it} = \beta_1 + \beta_2 \ln FD_{it} + \beta_3 \ln GPCA_{it} + \beta_4 \ln POPDEN_{it} + \beta_5 \ln GINI_{it} + \ln e_{it}$$

Trong đó:

$\ln PR$ là thước đo nghèo

$\ln FD$ là biến độc lập, đại diện cho sự phát triển của thị trường tài chính.

Các biến $\ln GDPCA$, $\ln POPDEN$, $\ln GINI$ là các biến kiểm soát, lần lượt đại diện cho GDP bình quân đầu người, mật độ dân số và hệ số bất bình đẳng thu nhập.

$i = 1, \dots, N$ là chỉ số thể hiện tỉnh

$t = 1, \dots, T$ là chỉ số đại diện cho thời gian (năm)

Bảng 1: Mô tả các biến trong mô hình

Biến	Ký hiệu	Dấu kỳ vọng	Nguồn	Đo lường	Kế thừa
Biến phụ thuộc					
Tỷ lệ nghèo đói	PR		GSO	%	Segun Thompson Bolarinwa, Olumide Olusegun Olaoye, Wajahat Ullah & Babatunde Agbi (2021)
Biến độc lập					

Biến	Ký hiệu	Dấu kỳ vọng	Nguồn	Đo lường	Kế thừa
Mức độ phát triển tài chính	FD	-	Nhóm tác giả tính toán dựa trên dữ liệu từ Niên giám thống kê 25 tỉnh	%	Sylviane Guillaumont Jeanneney and Kangni Kpodar (2008)
<i>Biến kiểm soát</i>					
Hệ số bất bình đẳng thu nhập	GINI	+	GSO		Jacob De Haan, Regina Planinge, Jan - Egbert Sturm (2021)
GDP bình quân đầu người của tỉnh	GDPCA	-	GSO	Triệu/Người	Dollar and Kraay (2002)
Mật độ dân số theo tỉnh	POPDEN	+/-	GSO	Người/km2	Okwi (2007)

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp.

6. Kết quả nghiên cứu

6.1 Mô tả thống kê biến

Bảng 2: Thống kê mô tả biến

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
PR	125	11.195	11.859	0.140	44.470
FD	125	83.324	34.870	27.004	246.052
GINI	125	0.366	0.071	0.207	0.525
GDPCA	125	70.500	38.839	26.100	197.700
POPDEN	125	621.223	632.938	50	2511

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

6.2 Mô tả tương quan

Bảng 3: Mô tả tương quan

	lnPR	lnFD	lnGDPCA	lnPOPDEN	lnGINI
lnPR	1.000				
lnFD	-0.106	1.000			
lnGDPCA	-0.799	-0.090	1.000		
lnPOPDEN	-0.936	0.108	0.643	1.000	
lnGINI	0.786	0.081	-0.539	-0.787	1.000

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Nhìn chung, mối tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình là không đáng kể. Hệ số tương quan giữa các biến độc lập cao nhất là -0.787 giữa biến lnPOPDEN và lnGINI và thấp nhất là -0.090 giữa biến lnGDPCA và lnFD, đảm bảo rằng hệ số tương quan giữa các biến độc lập đều bé hơn 0.8. Tuy nhiên, nhận thấy tương quan cao lên đến -0.936 giữa biến độc lập lnPOPDEN và biến phụ thuộc lnPR, để đảm bảo tính chính xác của mô hình, bên cạnh xem xét hệ số tương quan giữa các cặp biến riêng lẻ, nhóm nghiên cứu thực hiện kiểm định đa cộng tuyến.

Bảng 4: Hệ số phóng đại phương sai

Biến độc lập	VIF	1/VIF
lnPOPDEN	3.59	0.278
lnGINI	2.84	0.353
lnGDPCA	1.78	0.561
lnFD	1.14	0.880
Mean VIF	2.34	

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Kết quả hệ số phóng đại phương sai (VIF) ở Bảng 4 cho thấy hệ số VIF trung bình là 2.34 < 10. Do đó, có thể kết luận rằng không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến giải thích, tức là mối tương quan giữa hai biến là khác nhau và khả năng kết quả không đáng tin cậy trong mô hình là thấp. Mặc dù tồn tại sự tương quan cao giữa biến kiểm soát lnPOPDEN và lnPR trong mô hình, tuy nhiên do có sự chênh lệch trong mật độ dân số giữa các tỉnh tại khu vực nghiên cứu, lnPOPDEN có vai trò làm rõ tác động của phát triển tài chính tới giảm đói nghèo đồng thời kiểm soát những yếu tố không quan sát được như cơ sở hạ tầng,... Do đó, nhóm nghiên cứu quyết định vẫn giữ biến lnPOPDEN trong mô hình với vai trò là biến kiểm soát.

6.3 Kiểm định lựa chọn mô hình

Nghiên cứu thực hiện hồi quy mô hình Pooled OLS, mô hình hiệu ứng cố định (FEM) và mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Để lựa chọn được mô hình phù hợp, nhóm tác giả thực hiện các kiểm định Lagrange và kiểm định Hausman.

Kiểm định Lagrange được sử dụng nhằm kiểm định sự phù hợp giữa ước lượng tác động ngẫu nhiên và POLS. Giá trị của kiểm định Lagrange ở Bảng 5 với $p\text{-value} = 0.0000 < 0.05$ cho thấy ước lượng tác động ngẫu nhiên REM là phù hợp hơn so với Pooled OLS.

Tiếp theo, kiểm định Hausman với $p\text{-value} = 0.0514 > 0.05$ chỉ ra rằng ước lượng tác động ngẫu nhiên REM cũng phù hợp hơn so với ước lượng tác động cố định FEM.

Do đó, nhóm nghiên cứu lựa chọn mô hình REM là mô hình thích hợp nhất trong 3 mô hình và tiến hành kiểm định khuyết tật.

6.4 Kiểm định khuyết tật

Để kiểm định khuyết tật phương sai sai số thay đổi của mô hình, nhóm nghiên cứu sử dụng kết quả kiểm định Lagrange với $p\text{-value} = 0.0000 < 0.05$. Kết quả này chỉ ra rằng mô hình lựa chọn mắc khuyết tật phương sai sai số thay đổi.

Kiểm định sự tự tương quan (Wooldridge test), kết quả ở bảng 5 cho thấy giá trị $p\text{-value} = 0.0485 < 0.05$. Như vậy mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) mắc khuyết tật tự tương quan.

Nhằm khắc phục các khuyết tật trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát GLS nhằm thu được ước lượng vững và hiệu quả với kết quả thu được tại bảng 5:

Bảng 5: Kết quả nghiên cứu

Biến	lnPR (POLS)	lnPR (FEM)	lnPR (REM)	lnPR (FGLS)
lnFD	-0.330*** (-3.95)	-0.395** (-2.51)	-0.380*** (-3.46)	-0.306*** (-5.45)
lnGDPCA	-0.940*** (-13.12)	-1.352*** (-5.57)	-1.191*** (-11.51)	-0.998*** (-14.54)
lnPOPDEN	-0.647*** (-15.62)	-1.811 (-1.20)	-0.688*** (-12.63)	-0.735*** (-26.07)
lnGINI	0.924*** (4.02)	-0.180 (-0.96)	0.099 (0.54)	0.256*** (2.64)
_cons	5.566*** (24.09)	12.86 (1.62)	5.980*** (16.43)	5.612*** (28.03)
N	125	125	125	125
R-sq	0.952	0.638		
Lagrange multiplier test			74.92 (0.0000)	
Hausman test			9.42	

	(0.0514)
Wooldridge test	4.323
	(0.0485)

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

*Ghi chú: ***, **, * lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5%, 10%*

6.5 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Từ kết quả mô hình ước lượng, có thể rút ra các kết luận như sau:

Phát triển tài chính có mối quan hệ ngược chiều đối với tỷ lệ đói nghèo. Cụ thể, ở mức ý nghĩa 1%, khi các yếu tố khác không đổi, khi mức độ phát triển tài chính tăng thêm 1% thì tỷ lệ hộ nghèo giảm đi 0.306%. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với giả thuyết nghiên cứu nhóm đề ra và tương đồng với kết quả nghiên cứu trước đó của Kangni Kpodar (2008), Rashid và Intartaglia (2017) hay Bolarinwa và cộng sự (2024). Phát triển tài chính (thông qua tín dụng khu vực tư nhân/GDP) cải thiện tình trạng nghèo đói tại các tỉnh Bắc Bộ, đặc biệt ở nơi có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhờ việc tiếp cận nguồn vốn và dịch vụ tài chính dễ dàng hơn, đặc biệt là cá nhân và hộ gia đình. Điều này giúp người nghèo ổn định tiêu dùng, giảm rủi ro tổn thương từ cú sốc bên ngoài và xây dựng nguồn nhân lực. Ngoài ra, kết quả này cũng ủng hộ nghiên cứu của Rewilak (2017) với kết luận rằng tăng cường chiều sâu tài chính có tác động giảm nghèo lớn nhất bởi sự mong manh của khu vực tài chính có thể làm suy giảm khả năng cung cấp tín dụng cho cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ, từ đó cản trở các kênh giảm nghèo. Có thể nói, bên cạnh việc hỗ trợ ổn định tiêu dùng, phát triển tài chính còn tạo điều kiện để các gia đình đầu tư vào giáo dục và sức khỏe, từ đó nâng cao chất lượng nhân lực, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo dài hạn của một quốc gia.

Kết quả mô hình cũng chỉ ra mối quan hệ ngược chiều giữa thu nhập bình quân đầu người tại các tỉnh và tỷ lệ nghèo đói. Cụ thể, ở mức ý nghĩa 1%, khi thu nhập bình quân đầu người tăng 1%, tỷ lệ nghèo đói giảm 0.998%. Cụ thể, ở mức ý nghĩa 1%, khi thu nhập bình quân đầu người tăng 1%, tỷ lệ nghèo đói giảm 0.998%. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Kpodar (2008), Janjua (2011) và Johan Rewilak (2017), củng cố độ tin cậy của giả thuyết. Thu nhập cao hơn cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội và mở rộng quyền tự do cơ bản nhờ vào lựa chọn dịch vụ chất lượng hơn (Amartya Sen, 1999). Ngoài ra, thu nhập bình quân đầu người tăng giúp giải quyết bài toán “vòng luẩn quẩn đói nghèo” bởi sự tăng lên của tiết kiệm, tích lũy vốn đầu tư vào mở rộng sản xuất kinh doanh hay kỹ năng lao động từ đó phá vỡ vòng luẩn quẩn đói nghèo.

Tăng thu nhập bình quân đầu người nhưng với sự phân phối thu nhập không đồng đều gây gia tăng bất bình đẳng thu nhập và làm cho vấn đề nghèo đói trở nên trầm trọng hơn. Ở mức ý nghĩa 1%, bất bình đẳng thu nhập tăng 1% làm tỷ lệ nghèo đói tăng lên đến 0.256%. Điều này phù hợp với kỳ vọng dấu của giả thuyết đặt ra và cũng đã được thể hiện trên các nghiên cứu trước đó của Sehwat (2017), Jakob de Haan (2021) hay Bolarinwa (2021), hệ số Gini càng lớn, bất bình đẳng thu nhập càng tăng và dẫn tới làm tăng tỷ lệ nghèo đói. Bên cạnh đó, trong điều kiện bất bình đẳng cao, phát triển tài chính có thể chỉ tập trung vào nhóm thu nhập cao hoặc các doanh nghiệp lớn, trong khi người nghèo ít có khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, do

đó khi xem xét vai trò của phát triển tài chính tới giảm đói nghèo cần đảm bảo rằng giảm thiểu bất bình đẳng để đạt hiệu quả cao.

Cuối cùng, mật độ dân số tăng lên làm giảm thiểu tỷ lệ đói nghèo tại khu vực các tỉnh Bắc Bộ. Mật độ dân số tăng 1% giúp giảm thiểu tỷ lệ đói nghèo 0.735% tại mức ý nghĩa 1%, phù hợp với giả thuyết đặt ra và các nghiên cứu trước đó của Okwi 2007, Wang 2018. Mật độ gia tăng theo hướng tích cực gắn liền với sự phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ công, dịch vụ tài chính đồng thời cải thiện cơ hội việc làm do sự mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp tại khu vực đông dân cư nhằm tìm kiếm nguồn lao động. Các khu vực có mật độ dân số cao, đặc biệt là các vùng đô thị phát triển thường tập trung số lượng lớn ngân hàng và tổ chức tài chính trong khi ở khu vực nông thôn hoặc vùng xa xôi, nơi mật độ dân số thấp, chi phí mở rộng mạng lưới ngân hàng cao, làm giảm khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính truyền thống đối với hộ gia đình nghèo.

7. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, chính phủ và các tổ chức tài chính cần thúc đẩy phát triển tài chính bằng cách cung cấp dịch vụ đa dạng, dễ tiếp cận với chi phí thấp, đặc biệt mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch ở vùng nông thôn và miền núi Bắc Bộ. Đồng thời, cần rà soát và bổ sung các chính sách tín dụng ưu đãi và hoàn thiện quy định pháp luật để hỗ trợ người nghèo sử dụng vốn hiệu quả hơn cũng như phù hợp với thực tế.

Thứ hai, Việt Nam cần thúc đẩy kinh tế và tăng thu nhập bình quân bằng cách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), đặc biệt ở vùng nghèo, qua giảm thuế doanh nghiệp mới, ưu đãi vay vốn, và khuyến khích đổi mới sáng tạo. Đồng thời, cần hỗ trợ SMEs phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, và nâng cao chất lượng lao động thông qua dạy nghề, học bổng, và đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp, công nghệ cao.

Thứ ba, Việt Nam cần chú trọng đến các chính sách giảm bất bình đẳng thu nhập, vì bất bình đẳng gia tăng có thể làm giảm hiệu quả của phát triển tài chính đối với mục tiêu giảm nghèo, như áp dụng thuế thu nhập lũy tiến hiệu quả và phân bổ ngân sách ưu tiên cho các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, và hộ nghèo. Giảm bất bình đẳng trong khi phát triển tài chính sẽ giúp người nghèo tiếp cận nguồn lực tài chính, giảm tụt hậu và nâng cao chất lượng sống toàn quốc.

Thứ tư, phát triển khu vực đông dân cư cùng cơ sở hạ tầng, dịch vụ. Chính phủ cần phát triển khu vực đông dân cư bền vững cần hỗ trợ tài chính cho hạ tầng giao thông, điện nước, xử lý chất thải và tiện ích công cộng. Ưu tiên các dự án kết nối liên vùng ở Bắc Bộ, đặc biệt Hà Nội và vùng lân cận, nhằm giảm tải giao thông và tăng liên kết. Quy hoạch đô thị hợp lý sẽ làm tránh đô thị hóa tự phát, đảm bảo cuộc sống của người dân, nhất là người nghèo giúp họ được hưởng lợi từ an sinh xã hội ngoài ra còn thu hút FDI vào các khu vực khó khăn.

Thứ năm, Việt Nam cần tối ưu hóa chính sách thuế, phí đất đai và vốn nhà nước để hỗ trợ giảm nghèo hiệu quả, như giải quyết thiếu đất sản xuất qua hỗ trợ đất hoặc chuyển đổi sinh kế. Vốn nhà nước nên ưu tiên tín dụng ưu đãi qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để hộ nghèo phát triển sản xuất. Các chính sách này cần giám sát chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, đúng đối tượng và tránh lãng phí, góp phần giảm nghèo bền vững.

Cuối cùng là tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo. Chính phủ nên áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác xác định đối tượng được hưởng chính sách nghèo đói. Đồng thời nâng cao năng lực quản lý của cán bộ địa phương như tổ chức các chương trình đào tạo thường xuyên cho các cán bộ trong khu vực nghèo đói.

Kết luận

Nghiên cứu này đã đánh giá vai trò của phát triển tài chính trong giảm nghèo tại 25 tỉnh Bắc Bộ Việt Nam giai đoạn 2018-2022, điểm mới của nghiên cứu nằm ở việc tập trung vào từng khu vực cụ thể với giai đoạn có dữ liệu đầy đủ nhất, khác biệt với các nghiên cứu trước đây khi chỉ mới tập trung vào phạm vi quốc gia. Kết quả khẳng định, phát triển tài chính không chỉ giúp mở rộng khả năng tiếp cận vốn và dịch vụ tài chính, mà còn tạo điều kiện cho đầu tư, tăng thu nhập và giảm tỷ lệ nghèo đói tại khu vực các tỉnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, bất bình đẳng thu nhập có thể làm giảm hiệu quả của những nỗ lực này. Để giảm nghèo bền vững, cần đẩy mạnh phát triển tài chính, đặc biệt ở vùng nông thôn, giúp người nghèo dễ dàng tiếp cận nguồn vốn. Đồng thời, cần hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ qua chính sách tài chính, giảm thuế, khuyến khích đầu tư công nghệ và đầu tư công. Giảm bất bình đẳng thông qua chính sách thuế lũy tiến và ưu tiên ngân sách cho vùng khó khăn cũng là những giải pháp quan trọng.

Dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nghiên cứu vẫn tồn tại hạn chế khi sử dụng độ sâu tài chính thông qua chỉ số tín dụng khu vực tư nhân/GDP để đánh giá phát triển tài chính mà chưa kết hợp nhóm các chỉ số khác nhằm đánh giá đầy đủ hơn do hạn chế về mặt dữ liệu. Điều này mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo, tập trung vào việc thu thập thêm dữ liệu và sử dụng nhiều chỉ số kết hợp nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo tại khu vực Bắc Bộ.

Tài liệu tham khảo

- ATD Fourth World (2019), "The Hidden Dimensions of Poverty".
- Beck, T., Demirgüç-Kunt, A. & Levine, R. (2007), "Finance, Inequality and the Poor", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 21 No. 3, pp. 27-50.
- Bolarinwa, S. T., Olaoye, O. O., Ullah, W. & Agbi, B. (2021), "Does Financial Development Really Matter for Poverty Reduction in Africa?", *African Journal of Economic Policy*, Vol. 28 No. 2, pp. 135-153.
- Đào, L.P. (2012), "Chính sách tài chính đối với sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam, thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 1, trang 125-135.
- Guru & cộng sự (2019), "Financial development and economic growth: panel evidence from BRICS", *Journal of Economics, Finance and Administrative Science*.
- Haan, J. d., Pleninger, R. & Sturm, J. E. (2022), "Does Financial Development Reduce the Poverty Gap?", *Social Indicators Research*, Vol. 161 No. 1, pp. 1-22.

Honohan, P. (2004), "Financial Development, Growth and Poverty: How Close are the Links?", *World Bank Policy Research Working Paper*, No. 3203.

Jalilian, H. & Kirkpatrick, C. (2002), "Financial development and poverty reduction in developing countries", *Int J Finance Econ*, Vol. 7 No. 2, pp. 97-108.

Jalilian, H. & Kirkpatrick, C. (2005), "Does financial development contribute to poverty reduction?", *J Dev Stud*, Vol. 41 No. 4, pp. 636-656.

Janjua, P. Z. & Kamal, U. A. (2011), "The Role of Education and Income in Poverty Alleviation: A Cross-Country Analysis.", *The Lahore Journal of Economics*, Vol. 16 No. 1, pp. 143-172.

Jeanneney, S. G. & Kpodar, K. (2008). "Financial Development and Poverty Reduction: Can There Be a Benefit Without a Cost?", *IMF Working Paper*, No. 08/62.

Kirkpatrick, C., Sirageldin, I. & Aftab, K. (2001), "Financial Development, Economic Growth, and Poverty Reduction", *The Pakistan Development Review*, Vol. 39, pp. 363-388.

Krinichansky & N. E. Annenskaya (2022), "Financial development: The concept and prospects", *Voprosy Ekonomiki*, NP Voprosy Ekonomiki, issue 10.

Lê, T. T. & Trần, T. T. A. (2023). "Phát triển tài chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.", *Tạp chí Cộng sản*, Số 3, trang 45-52.

Nguyễn, Đ.H., Phạm, T.N.S. & Đặng, T.N.T. (2023), "Tác động của phát triển tài chính đến tăng năng suất nông nghiệp tại các quốc gia Đông Nam Á", *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 316, trang 31.

Nguyễn, Đ.T. & Dư, T.L.Q. (2022), "Tài chính toàn diện và đói nghèo: Trường hợp ở Việt Nam", *Tạp chí ngân hàng*.

Nguyen, T.D., Hoang, H., Tran, N.T., Tran, T.A.N., Mazancova, J. & Le, S. (2023), "Insight into the Multidimensional Poverty of the Mountainous Ethnic Minorities in Central Vietnam", *Social Sciences*.

Odhiambo, N. M. (2010), "Financial deepening and poverty reduction in Zambia: an empirical investigation", *Int J Soc Econ*, Vol. 37 No. 1, pp. 41-53.

Phạm, T.H.V., Trần, T.T.H. & Vũ, T.T.H. (2018), "Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện tại một số quốc gia trên thế giới", *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 193, trang 55-75.

Quartey. P. (2005), "Financial sector development savings mobilization and poverty Reduction in Ghana", *UNU-WIDER Research Paper*, No. 2005/71 United Nations University Helsinki, Finland.

Rewilak, J. (2017), "The Role of Financial Development in Poverty Reduction", *Review of Development Finance*, Vol. 7 No. 2, pp. 169-176.

Sehrawat, M. & Giri. A.K. (2016), "Financial development and poverty reduction in India: an empirical investigation", *Int J Soc Econ*, Vol. 43 No. 2, pp. 106-122.

Tô, T.B.N. & Nguyễn, T.K. (2019), “Tác động của tín dụng chính thức đến thu nhập trồng lúa của nông hộ: Bằng chứng thực nghiệm tại Cần Thơ”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ*, pp. 115-126.

Tổng cục thống kê (2023), “Thành tựu giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ người nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2022”

Trần, T.T.H., Phạm, T.M.T. & Vũ, T.M.H (2022), “Một số khuyến nghị thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện nhằm giảm nghèo đa chiều của Việt Nam”, *Tạp chí con số sự kiện*.

World Bank (2022), *Vietnam Poverty and Equity Assessment Report*, Washington, D.C.: World Bank.

Zameer, H., Shahbaz, M. & Vo, X.V. (2020), “Reinforcing poverty alleviation efficiency through technological innovation, globalization, and financial development”, *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 161.

Zhuang, J., Gunatilake, H., Niimi, Y., Khan, M.E., Jiang, Y., Hasan, R., Khor, N., Lagman, M.A., Bracey, P. & Huang, B. (2009), “Financial Sector Development, Economic Growth, and Poverty Reduction: A Literature Review”, *Asian Development Bank*, No 173.